

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách của Luật Quản lý thuế

Về tình hình trong nước, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức đan xen. Đáng chú ý là hiện tượng suy giảm nguồn thu ngân sách ở nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng điểm vốn có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu không chỉ đạt thấp hơn so với mục tiêu đề ra mà còn giảm so với cùng kỳ năm trước. Tình hình càng trở nên phức tạp hơn khi thiên tai, dịch bệnh, hạn hán và bão lũ diễn biến khó lường, gây thiệt hại nặng nề cho nhiều địa phương. Những yếu tố này đã tạo áp lực rất lớn lên công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động quản lý thuế nói riêng, đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ và linh hoạt để thích ứng với tình hình mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, Việt Nam đang tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế nhằm tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và bền vững.

Về bối cảnh quốc tế, nền kinh tế toàn cầu đang trải qua giai đoạn đầy thách thức với tăng trưởng chậm và áp lực lạm phát cao. Điều này buộc các nền kinh tế lớn phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và duy trì mặt bằng lãi suất cao, tạo ra hiệu ứng domino làm suy giảm hoạt động thương mại, tiêu dùng và đầu tư trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, xu hướng gia tăng các hàng rào bảo hộ và phòng vệ thương mại đã tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế tạo áp lực đối với các quốc gia trong việc phải cải cách hệ thống thuế để thích ứng với nền kinh tế số, chuyển đổi số mạnh mẽ cùng với những xu thế cải cách thuế toàn cầu mới.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Luật QLT năm 2019) đã được xây dựng với tầm nhìn chiến lược, bám sát các định hướng then chốt của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại ngân sách và đảm bảo nền tài chính quốc gia bền vững. Luật

không chỉ hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025 mà còn thể hiện rõ cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đặc biệt, Luật đã cụ thể hóa Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng ngành thuế hiện đại, tinh gọn và hiệu quả, trong đó lấy nền tảng thuế điện tử làm trọng tâm. Bên cạnh đó, Luật đã tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc tháo gỡ khó khăn và khuyến khích đầu tư kinh doanh. Điểm nổi bật là Luật đã góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, Luật cũng đảm bảo được tính đồng bộ với pháp luật quốc tế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước.

Đặc biệt, Luật đã đưa ra khuôn khổ cải cách toàn diện với 10 nhóm chính sách then chốt: (1) các quy định nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, chống xói mòn cơ sở tính thuế; (2) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết để phòng chống chuyển giá; (3) quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử và cải cách công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh theo hướng hiện đại, tăng cường tính minh bạch và vai trò của chính quyền địa phương; (4) quy định về quản lý thuế theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp quản lý rủi ro; (5) quy định về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; (6) quy định quản lý thuế đối với các ngành đặc thù; (7) quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế; (8) quy định về chế tài trong công tác quản lý thuế; (9) các quy định về hoàn thuế và (10) các quy định khác về quản lý thuế. Những nhóm chính sách này không chỉ thể hiện tư duy đổi mới trong quản lý thuế mà còn khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch và hiệu quả.

Qua 5 năm thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, công tác quản lý thuế, thu thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu; nhận thức của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (NSNN) được nâng cao; bộ máy hành chính thuế không ngừng được kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức quản lý thuế từng bước chuyên nghiệp, chuyên sâu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Quản lý thuế cũng bộc lộ không ít hạn chế, vướng mắc làm tăng thủ tục hành chính, tăng chi phí tuân thủ cho người nộp thuế vừa ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam, vừa ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan quản lý thuế. Ngoài ra, số lượng người nộp thuế tăng nhanh; mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế đã có sự thay đổi cả về quy mô và phương thức; khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ; các tập đoàn, doanh nghiệp đa quốc gia đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam ngày càng nhiều. Những nhân tố này dẫn đến những thay đổi căn bản trong công tác quản lý người nộp thuế.

Từ thực tế trên và yêu cầu đổi mới, Luật Quản lý thuế năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành đòi hỏi phải được đánh giá, tổng kết việc thi hành để hoàn thiện.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

2.1 Đánh giá chung

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Trên cơ sở thực hiện đồng thời các nhiệm vụ tổng kết thi hành và nghiên cứu, rà soát đối với Luật Quản lý thuế năm 2019, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019 và ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15. Theo đó, tại Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều là những nội dung mang tính cấp bách để thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

Qua quá trình triển khai, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tăng thu ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ thiết thực cho người nộp thuế.

2.2 Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, kể từ khi Luật Quản lý thuế được ban hành năm 2019 (Luật QLT), Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành một số Kết luận, Nghị quyết, Luật liên quan có ảnh hưởng đến sự chưa đồng bộ pháp luật tại một số quy định của Luật QLT như:

- Tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu: *Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ*. Do đó, các quy định về thanh tra thuế từ Điều 107 đến Điều 123 (trừ Điều 109 đến 112) trong Luật QLT không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về thuế thu nhập bổ sung chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo các quy định của OECD nhằm đảm bảo Việt Nam tuân thủ các quy định quốc tế về chống xói mòn cơ sở thuế. Theo đó, một số quy định về kê khai, nộp thuế tại Nghị quyết chưa được quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành.

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 giao Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể

để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, các biện pháp để thực hiện chính sách thuế. để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư Do vậy, cần rà soát Luật QLT để sửa đổi quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thuế.

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (sửa đổi quy định về phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương, phối hợp giữa các cơ quan, quy trình thủ tục hành chính đòi hỏi Luật Quản lý thuế phải được rà soát để sửa đổi quy định phù hợp với sự thay đổi trong phân cấp quản lý thuế giữa trung ương và địa phương đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp; sửa đổi quy định và trách nhiệm trong phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ công tác giữa cơ quan thuế và các cơ quan địa phương trong quản lý thuế; điều chỉnh các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến thuế.

- Trong thời gian qua, các Luật thuế đã được ban hành (Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 19/11/2024; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính) và các Luật đã được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 và kế hoạch giai đoạn 2025-2027 (Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế tài sản, Luật thuế Tài nguyên...) đã có những thay đổi nhất định cũng đặt ra yêu cầu phải thay đổi công tác quản lý thuế để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Thứ hai, thực tiễn thi hành pháp luật về quản lý thuế cho thấy một số quy định tại Luật QLT hiện hành chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và quy định của Luật chuyên ngành như:

+ Về quy định liên quan đến nghiệp vụ quản lý thuế:

Quy định về nghiệp vụ quản lý thuế tại Luật QLT đã bộc lộ một số điểm nghẽn thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Nhóm thứ hai về quy trình nộp thuế và ấn định thuế bộc lộ bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử.

+ Quy định về quản lý thuế chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số:

trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ nhưng chưa có các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến, của các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử ngày càng lớn nhưng số thu thuế lại rất nhỏ, không tương xứng với quy mô của loại hình kinh doanh này.

+ *Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số*: chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử toàn diện còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt trong các khâu như kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và hóa đơn điện tử, còn thiếu tính liên thông và chưa tạo được đột phá trong cải cách thủ tục hành chính thuế. Tốc độ chuyển đổi số trong quản lý thuế chưa theo kịp xu thế chung của thế giới là đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng.

+ *Hạn chế trong kiểm soát gian lận*: Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

- *Thứ ba*, xu hướng cải cách thuế hiện nay tập trung vào việc hiện đại hóa toàn diện hệ thống quản lý thuế thông qua chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Các nước đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng. Họ chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích rủi ro và quản lý thuế, đặc biệt là đối với các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và kinh tế số. Song song với đó là việc tăng cường hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin thuế, chống chuyển giá và trốn thuế, cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Các nước cũng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và có khả năng thích ứng với môi trường quản lý thuế hiện đại.

Hệ thống quản lý thuế điện tử hiện nay chưa toàn diện từ khâu kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế trực tuyến. Việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường trong giao dịch tài chính và kê khai thuế còn hạn chế, làm giảm hiệu quả công tác quản lý rủi ro. Cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng để khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức thi hành Luật Quản lý thuế năm 2019

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật Quản lý thuế năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, gồm 17 chương, 152 Điều. Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật 56/2024/QH15). Theo đó, Luật Quản lý thuế đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều.

Để triển khai thực hiện các quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15, Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định¹ và Bộ Tài chính đã ban hành 12 Thông tư² hướng dẫn.

¹ (1) Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ; (3) Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; (4) Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; (5) Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (6) Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; (7) Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (8) Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 quy định ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh; (9) Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ.

² (1) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế; (3) Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; (4) Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; (5) Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá; (6) Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế; (7) Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (8) Thông tư số 45/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (9) Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ; (10) Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (11) Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (12) Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 quy định về đăng ký thuế.

Tuy nhiên, với sự đổi mới trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước và cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện Luật Quản lý thuế. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số với các mô hình kinh doanh mới như thương mại điện tử xuyên biên giới, nền tảng số đòi hỏi phải có cơ chế quản lý thuế phù hợp. Yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản, tinh gọn bộ máy và chuyển đổi số trong quản lý thuế ngày càng trở nên cấp bách. Đồng thời, qua thực tiễn triển khai, Luật Quản lý thuế năm 2019 vẫn còn một số vấn đề cần được giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế, đảm bảo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong giai đoạn tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bối cảnh quốc tế ngày càng thay đổi nhanh chóng.

2. Kết quả thi hành

2.1. Kết quả đạt được

Qua gần 05 năm triển khai, Luật Quản lý thuế đã đạt được 05 kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

2.1.1. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành được thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức, phương tiện đa dạng, cập nhật nhanh, kịp thời đến người nộp thuế

Cơ quan thuế đã không ngừng đa dạng hóa và hiện đại hóa các kênh tương tác với người nộp thuế. Bên cạnh các phương thức truyền thống, ngành thuế đã tích cực triển khai các nền tảng số như video clip hướng dẫn, bản tin trên các mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok). Điểm nhấn trong năm 2024 là việc ra mắt ứng dụng Chatbot AI – “Trợ lý ảo hỗ trợ người nộp thuế” vào ngày 21/11/2024. Ứng dụng này đã thu hút 4,5 nghìn người đăng ký sử dụng và giải đáp được 29,9 nghìn câu hỏi, thể hiện hiệu quả trong việc hỗ trợ người nộp thuế.

Năm 2024 đánh dấu những nỗ lực đáng kể trong công tác hỗ trợ người nộp thuế. Cơ quan thuế các cấp đã tổ chức 1.451 buổi đối thoại/tập huấn theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự tham dự của 242,5 nghìn lượt NNT để kịp thời giải đáp những vướng mắc của NNT, hướng dẫn về các chính sách thuế. Trực tiếp hướng dẫn cho khoảng 880 nghìn lượt NNT tại bộ phận “một cửa”. Hỗ trợ hơn 3,2 triệu lượt NNT qua hình thức thư điện tử, mạng xã hội, website của cơ quan thuế. Đây là hình thức hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và tiết kiệm được chi phí. Hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ tiếp tục được nâng cấp và vận hành ổn định, cơ quan thuế đã giải đáp 5.211 câu hỏi do NNT gửi đến (đạt tỷ lệ 89%).

Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3%, được tính từ điểm trung bình của điểm đánh giá chung và trung bình

của điểm theo lĩnh vực chức năng³, tiệm cận mục tiêu 90% đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Con số này dựa trên 441.974 phiếu phản hồi, chiếm 13,9% trên tổng số doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh do cơ quan thuế đang quản lý⁴, phản ánh nỗ lực không ngừng của ngành thuế trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế.

Hệ thống 479 kênh Hỏi - Đáp được nâng cấp với 47 loại câu hỏi được phân loại cụ thể, kết hợp với chức năng phân luồng tự động đã giúp việc giải đáp thắc mắc của người nộp thuế được nhanh chóng và hiệu quả hơn. Trong năm 2023, cơ quan thuế đã giải đáp gần 5.900 câu hỏi, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

b) Công tác đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, rút ngắn được thời gian thực hiện, đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và giảm thủ tục hành chính.

Luật Quản lý thuế đã tạo bước đột phá trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế cho người nộp thuế. Người nộp thuế có thể dễ dàng thực hiện nghĩa vụ thuế với thời gian kê khai giảm xuống còn dưới 100 giờ/năm, tương đương với mức trung bình của các nước ASEAN-4. Đặc biệt, việc khuyến khích sử dụng phương thức điện tử trong quản lý thuế như hóa đơn điện tử, kê khai và nộp thuế online đã tạo thuận lợi và giảm đáng kể chi phí cho doanh nghiệp.

- Về công tác đăng ký thuế đã được cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; thành phần hồ sơ đăng ký thuế dễ thực hiện và tối ưu hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế bằng điện tử liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước, kết nối hoặc trao đổi thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế.

- Về công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế: hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế đơn giản, hiệu quả nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục khai thuế điện tử liên thông đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo nộp thuế theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường diễn các thông tin có sẵn giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ của người nộp thuế và giảm chi phí quản lý của cơ quan thuế; đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử, áp dụng hoá đơn điện tử khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ đến toàn bộ người nộp thuế trong đó duy trì, tiếp tục hỗ trợ thuận lợi dịch vụ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng

³ Điểm đánh giá hài lòng chung về CQT: 89,1%. Điểm chỉ số hài lòng trung bình của 64 Cục Thuế theo lĩnh vực chức năng: 87,5% (trong đó, Công tác xây dựng CS, pháp luật thuế: 87,4%, Cung cấp dịch vụ công: 87,8%, Tiếp nhận giải quyết TTHC thuế: 87,8%, Công tác thanh tra kiểm tra thuế: 87,2%, Công tác xử lý KNTC: 87,5%).

⁴ Trong đó, DN, tổ chức chiếm tỷ lệ 57,4%, Hộ, CNKD chiếm tỷ lệ 42,6% tổng số NNT tham gia đánh giá.

hoá đơn điện tử đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, mở rộng phạm vi triển khai khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với cá nhân, từng bước xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số. Triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp nhằm quản lý việc thanh toán khoản đã nộp với khoản phải nộp của người nộp thuế theo định danh các khoản phải nộp

c) Công tác miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế đã góp một phần không nhỏ trong việc hỗ trợ người nộp thuế trong các trường hợp người nộp thuế bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ không có khả năng nộp thuế hoặc trường hợp miễn, giảm thuế khác được quy định tại các Luật.

- Về miễn, giảm thuế: thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết miễn, giảm thuế và triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn, giảm thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử. Sử dụng cơ sở dữ liệu thuế tập trung, dữ liệu từ bên thứ ba và dữ liệu từ cơ quan theo cơ chế một cửa liên thông làm cơ sở, căn cứ để tính, ban hành quyết định miễn, giảm thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.

- Về hoàn thuế: Trên cơ sở quy định tại Luật quản lý thuế năm 2019, cơ quan quản lý thuế đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, tăng cường hiệu quả công tác quản lý và hoàn thuế giá trị gia tăng; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế.

d) Công tác kiểm tra, thanh tra thuế ngày càng phát huy vai trò chủ chốt trong hoạt động quản lý thuế. Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, quy trình thanh tra, kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý thuế đã đảm bảo việc thu đúng, thu đủ số thuế phải nộp vào NSNN đồng thời đề xuất những kiến nghị về cơ chế, chính sách quản lý thuế để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của người nộp thuế.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế, việc kiểm tra thuế được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý thuế hoặc tại trụ sở người nộp thuế. Việc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế được thực hiện thường xuyên đối với các hồ sơ thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác thông tin, chứng từ trong hồ sơ thuế. Đối với kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế được thực hiện hàng năm trên cơ sở kế hoạch kiểm tra được phê duyệt. Đối với thanh tra thuế được cơ quan quản lý thuế thực hiện theo kế hoạch thanh tra hàng năm.

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế theo kế hoạch hàng năm và đột xuất đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế và đạt được hiệu quả nhất định về số lượng và chất lượng. Số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra thuế và số thuế đề nghị truy thu qua thanh tra, kiểm tra tăng nhanh qua các năm.

2.1.2. Tăng cường bảo vệ quyền lợi người nộp thuế

a) *Luật Quản lý thuế đã thiết lập một khung pháp lý toàn diện để bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Theo đó, người nộp thuế được quyền yêu cầu cơ quan thuế giải thích và cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của họ. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý thuế và tạo điều kiện cho người nộp thuế hiểu rõ về trách nhiệm của mình.*

Một điểm đột phá quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người nộp thuế là quy định về miễn xử phạt vi phạm và miễn tính tiền chậm nộp. Cụ thể, trong trường hợp người nộp thuế thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, họ sẽ không bị xử lý vi phạm về thuế. Quy định này không chỉ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nộp thuế mà còn nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn.

Luật cũng quy định rõ về quyền được bảo mật thông tin của người nộp thuế. Theo đó, mọi thông tin cá nhân, thông tin về hoạt động kinh doanh của người nộp thuế đều được bảo mật nghiêm ngặt. Trong trường hợp phát hiện cơ quan thuế có sai sót trong công tác quản lý thu thuế, người nộp thuế có quyền khiếu nại và yêu cầu giải quyết thỏa đáng.

Đặc biệt, Luật đã thể hiện tính nhân văn thông qua các cơ chế gia hạn, giảm thuế và miễn thuế linh hoạt. Trong những trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc gặp khó khăn đặc biệt khác, họ có thể được xem xét gia hạn nộp thuế, giảm thuế hoặc miễn thuế. Điều này đã được thể hiện rõ qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn đại dịch Covid-19, giúp doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn.

Các quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế không chỉ thể hiện trên văn bản mà còn được cụ thể hóa thông qua việc cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Người nộp thuế được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ đa dạng, từ tư vấn trực tiếp đến các kênh hỗ trợ trực tuyến, giúp họ thực hiện nghĩa vụ thuế một cách thuận lợi nhất.

b) *Công tác quản lý hộ kinh doanh trong thời gian qua:*

Theo số liệu quản lý đến hết tháng 12/2024:

- Tổng số hộ kinh doanh (HKD), cá nhân kinh doanh (CNKD) là **3,6 triệu**, bằng 106% tổng số HKD, CNKD năm 2023. Tổng số HKD ổn định (hộ khoán + hộ kê khai) là **2,2 triệu hộ**, bằng 104% tổng số HKD ổn định năm 2023, trong đó: số hộ thuộc diện phải nộp thuế (*doanh thu > 100 triệu đồng/năm*) chỉ là **1,3 triệu hộ (chiếm 59%)**.

- Số thu từ HKD, CNKD vào ngân sách nhà nước năm 2024 là: **25.953 tỷ đồng**, tăng 20% so với số thu HKD, CNKD cùng kỳ năm 2023 là 21.638 tỷ đồng. Số hộ nộp thuế khoán là 2,15 triệu hộ (trong đó có 1,22 triệu hộ nộp thuế với mức thuế thuế khoán trung bình cả nước là 686 nghìn đồng/tháng/hộ). Số hộ nộp thuế

theo phương pháp kê khai là 84.499 hộ với số thuế phải nộp trung bình cả nước là 3,29 triệu đồng/tháng/hộ.

- Về dữ liệu hộ kinh doanh có doanh thu <500 triệu/năm: Năm 2025 có 1.829.920 hộ kinh doanh có doanh thu <500 triệu/năm. Số thuế phải nộp trong năm là 5.551 tỷ đồng.

- Về dữ liệu HKD có doanh thu lớn: Năm 2024 có 860 hộ kinh doanh có doanh thu từ 30 tỷ trở lên (gồm 121 hộ khoán, 739 hộ kê khai), tập trung chủ yếu ở địa bàn khu vực I (226 hộ), khu vực II (140 hộ), khu vực IV (77 hộ), khu vực XV (46 hộ), khu vực XVIII (50 hộ), khu vực XVI (46 hộ). Trong đó đặc biệt có 5 hộ kê khai doanh thu trên 200 tỷ/năm (1. Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Mỹ Thơ, MST 8075543985-001, bán lẻ thủy sản tươi sống, tại địa bàn Chi cục Thuế khu vực XI có doanh thu năm 2024 gần 560 tỷ đồng; Hộ kinh doanh Đỗ Thị Oanh 545, MST: 8065800979-001, bán buôn thực phẩm, tại địa bàn Chi cục Thuế khu vực III có doanh thu năm 2024 gần 360 tỷ đồng; 2. Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lanh, MST: 8018649110-001, giáo dục khác, tại địa bàn Chi cục Thuế khu vực V có doanh thu năm 2024 gần 360 tỷ đồng; 3. Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lanh, MST: 8018649110-001, giáo dục khác, tại địa bàn Chi cục Thuế khu vực V có doanh thu năm 2024 khoảng 238 tỷ đồng; 4. Hộ kinh doanh Trương Thị Lan Anh, MST: 0313368930, bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, tại địa bàn Chi cục Thuế khu vực II có doanh thu năm 2024 khoảng 228 tỷ đồng; 5. Hộ kinh doanh cung cấp nông sản Nguyễn Thành Đạt, MST: 8096312410, bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, tại địa bàn Chi cục Thuế khu vực II có doanh thu năm 2024 khoảng 218 tỷ đồng).

- Về dữ liệu HKD khoán đáp ứng tiêu chí chuyển sang phương pháp kê khai: Năm 2025, toàn ngành có 653 hộ kinh doanh nộp thuế khoán có doanh thu đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ trở lên phải thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai, cụ thể:

- 221 HKD Nhóm Nông lâm nghiệp thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng (nhóm ngành A, F, C) có doanh thu >3 tỷ. Tập trung tại 1 số CCT khu vực: XIX (57 hộ); II (33 hộ), XVII (29 hộ), XX (22 hộ).

- 430 HKD Nhóm Thương mại, dịch vụ (nhóm ngành G, I, N, R, S) có doanh thu >10 tỷ. Tập trung tại 1 số CCT khu vực: II (58 hộ); XX (55 hộ), XIII (51 hộ), XVII (47 hộ), XVIII (40 hộ), XIX (32 hộ), XIV (31 hộ), I (34 hộ).

c) Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình, thủ tục giải quyết, đáp ứng được yêu cầu của người khiếu nại.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan quản lý thuế đã xây dựng quy trình giải quyết khiếu nại, quy trình giải quyết tố cáo, trong đó xác định rõ thời gian giải quyết, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo tại cơ quan quản lý thuế các cấp.

2.1.3. Hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát thuế

a) Trong thời gian qua, cơ quan quản lý thuế đã tập trung xây dựng, phát triển ứng dụng thông tin hỗ trợ người nộp thuế, phục vụ công tác quản lý thuế; Xây dựng các nền tảng tích hợp, nền tảng dữ liệu lớn để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế và quản lý tuân thủ; Tăng cường chất lượng quản trị, vận hành, hỗ trợ và đảm bảo hệ thống an toàn thông tin.

Một trong những thành tựu quan trọng của Luật Quản lý thuế là việc mở rộng phạm vi quản lý thuế, không chỉ với các thuế nội địa mà còn bao gồm cả các giao dịch xuyên biên giới, thương mại điện tử và các giao dịch quốc tế. Điều này tạo hành lang pháp lý vững chắc để quản lý toàn diện các hoạt động kinh tế trong bối cảnh số hóa và hội nhập.

Thành công nổi bật trong công tác hiện đại hóa quản lý thuế là việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử toàn quốc từ tháng 7 năm 2022. Lũy kế đến **24h ngày 30/4/2025**, trên cả nước đã có tổng số **13.831.477.325** hóa đơn điện tử đã được tiếp nhận và xử lý (Hóa đơn điện tử có mã: **3.165.207.055**; Hóa đơn điện tử không có mã: **3.726.251.630**; Hóa đơn điện tử không mã gửi Bảng tổng hợp: **4.823.706.703**; Hóa đơn theo từng lần phát sinh: **2.398.720**; Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền: **2.113.913.217**). Việc số hóa hóa đơn không chỉ giúp giảm thời gian kê khai mà còn tăng tính minh bạch của các giao dịch, góp phần hạn chế gian lận về thuế.

Ngành thuế cũng đã chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ để quản lý hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số. Điển hình là việc vận hành Cổng thông tin thương mại điện tử từ ngày 15/12/2022, tiếp nhận thông tin từ 439 sàn giao dịch với gần 725 nghìn tổ chức, cá nhân kinh doanh. Đến ngày 19/11/2024, ngành Thuế tiếp tục ra mắt Cổng thông tin điện tử dành riêng cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, tích hợp đầy đủ các chức năng từ đăng ký thuế đến kê khai, nộp thuế và tra cứu.

Ngành thuế đã áp dụng hiệu quả phương pháp quản lý rủi ro trong việc phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng và lập kế hoạch thanh kiểm tra thông qua việc ban hành quy trình hoàn thuế mới⁵ và bộ tiêu chí⁶ đánh giá rủi ro, từ đó xác định và lựa chọn chính xác các doanh nghiệp cần thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế. Từ ngày 28/10/2023, Ứng dụng phân loại hồ sơ hoàn thuế tự động được triển khai trong toàn ngành, giúp tự động hóa khâu phân loại và điện tử hóa các bước giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Điều này vừa đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ, vừa tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hoàn thuế.

Đặc biệt, Luật đã tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý thuế. Các Bộ ngành như Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, cùng với hệ thống ngân hàng đều có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế trong

⁵ Quyết định số 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục Thuế.

⁶ Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18/9/2023 của Tổng cục Thuế về việc áp dụng QLRR trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn người nộp thuế để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

việc thu nộp thuế, cung cấp thông tin và thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định. Sự phối hợp chặt chẽ này tạo nên một mạng lưới giám sát thuế toàn diện và hiệu quả.

Những nỗ lực hiện đại hóa này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, tạo môi trường kinh doanh minh bạch và thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng để ngành thuế tiếp tục phát triển theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại hơn trong tương lai.

b) Tổ chức bộ máy quản lý thuế không ngừng được hoàn thiện đã đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo yêu cầu của Luật Quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế đã từng bước sắp xếp, kiện toàn theo chức năng tại cơ quan thuế các cấp.

Hệ thống cơ quan thuế được tổ chức thành hệ thống dọc thống nhất từ trung ương đến cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất.

Từ năm 2020 đến ngày 28/02/2025: Tại Trung ương có Tổng cục Thuế, cấp tỉnh có Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế; cấp huyện có Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế, gồm: Cơ quan Tổng cục Thuế ở Trung ương với 19 Cục, Vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, trong đó có 15 Vụ, đơn vị hành chính, 02 đơn vị sự nghiệp, Ban Cải cách và Ban Quản lý rủi ro; 63 Cục thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 789 Phòng; 711 Chi cục Thuế tại các quận, huyện, 5.107 Đội Thuế.

Từ 01/3/2025, Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan đã tổ chức sắp xếp lại thành Cục Thuế và Cục Hải quan, đồng thời tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng, cơ quan quản lý thuế các cấp đã đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp. Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng đã tập trung vào việc bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế cho cán bộ thuế, hải quan... vừa đảm bảo trang bị kiến thức cơ bản, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu, phục vụ kịp thời, thiết thực đối với công tác quản lý. Đến nay, công chức của cơ quan quản lý thuế các cấp đã vận hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Quản lý thuế.

2.1.4. Nâng cao hiệu quả thu ngân sách và chống thất thu

- Các quy định của Luật Quản lý thuế và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội cùng với sự điều hành quyết liệt, có hiệu quả của Chính phủ, Bộ Tài chính đã đảm bảo tập trung kịp thời nguồn thu cho NSNN. Tổng thu NSNN do cơ quan thuế và cơ quan hải quan quản lý từ 01/7/2020 đến 31/12/2024 đã có mức tăng trưởng đáng kể, cụ thể:

Thu ngân sách từ thuế đã thể hiện sự tăng trưởng ổn định và vượt dự toán qua các năm. Từ mức đạt 1.539 nghìn tỷ đồng năm 2020 (đạt 87,7% dự toán), thu

ngân sách đã tăng lên 1.591 nghìn tỷ đồng năm 2021 (vượt 17,2% dự toán), 1.803,6 nghìn tỷ đồng năm 2022 (vượt 27,8% dự toán), và 1.752,5 nghìn tỷ đồng năm 2023 (vượt 8,1% dự toán). Đặc biệt năm 2024, tổng thu ngân sách đạt mức cao nhất với 2.037,5 tỷ đồng, tăng 19,8% so với dự toán, trong đó riêng thu do cơ quan thuế quản lý đạt 1.732.000 tỷ đồng, vượt 16,5% dự toán và tăng 13,7% so với năm 2023.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc chống thất thu. Theo Nghị quyết số 08-NQ/ĐUCTION ngày 26/5/2025 của Đảng ủy Cục Thuế về tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách nhà nước, trong năm 2024, toàn ngành Thuế đã thực hiện được 72.343 cuộc thanh tra, kiểm tra, đạt 112,11% kế hoạch năm 2024; kiểm tra được 729.985 hồ sơ bằng 95,49% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 75.772,45 tỷ đồng bằng 107,86% năm 2023, trong đó: tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 19.665,7 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 3.481,91 tỷ đồng; giảm lỗ là 52.624,84 tỷ đồng. Tổng số tiền thuế nộp vào ngân sách là 13.413,5 tỷ đồng, bằng 68,21% số tăng thu qua thanh tra kiểm tra.

Năm 2024 đánh dấu nhiều thành công trong việc thanh tra, kiểm tra chuyên đề. Cơ quan thuế đã truy thu và yêu cầu nộp bổ sung 169 tỷ đồng từ các doanh nghiệp kinh doanh nông sản nhập khẩu, 292 tỷ đồng từ các cơ sở giáo dục và y tế về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc kiểm tra các doanh nghiệp đại chúng về phát hành cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cũng thu về ngân sách 151,5 tỷ đồng. Đặc biệt, trong lĩnh vực bảo hiểm, qua thanh tra 20 doanh nghiệp đã giảm lỗ gần 5 tỷ đồng, truy thu 3,3 tỷ đồng và phạt gần 1,2 tỷ đồng.

- Đơn giản hoá các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm nợ đọng thuế. Nghiên cứu các biện pháp thu nợ và cưỡng chế nợ thuế khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp); xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Công tác quản lý và thu hồi nợ thuế cũng đạt hiệu quả cao nhờ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ quan thuế đã xây dựng và nâng cấp các ứng dụng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, tự động hóa việc thông báo nợ và quyết định cưỡng chế thông qua phương thức điện tử. Kết quả thu hồi nợ thuế đã tăng mạnh từ 41.557 tỷ đồng năm 2023 lên 61.227 tỷ đồng năm 2024, tăng 33,2% so với cùng kỳ.

- Đặc biệt, việc kiểm soát thuế trong lĩnh vực thương mại điện tử đã có bước tiến quan trọng. Thông qua Cổng thông tin thương mại điện tử, cơ quan thuế đã tiếp nhận thông tin từ 439 sàn giao dịch với gần 725 nghìn tổ chức, cá nhân kinh doanh, tổng giá trị giao dịch đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2024, kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử

là khoảng 116 nghìn tỷ đồng⁷, tăng 20% so với số thuế năm 2023. Việc triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử vào tháng 11/2024 với 5 chức năng chính (đăng nhập, đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, tra cứu) đã tạo thêm kênh hỗ trợ thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý thuế trong lĩnh vực này.

2.1.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế

Luật Quản lý thuế đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập quốc tế của ngành thuế Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với cam kết quốc tế. Điều này đã giúp hình thành hệ thống quản lý thuế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng chống trốn thuế, chuyển giá và gian lận thuế xuyên biên giới.

Trong năm 2024, ngành thuế tiếp tục tăng cường hợp tác với cơ quan thuế các nước và tổ chức quốc tế thông qua việc triển khai đàm phán, ký kết các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định thuế với Hy Lạp, Nhật Bản, Ai Cập, Albani, Ghi-nê, Ca-mơ-run, Cô-oét.... Song song với đó, ngành thuế cũng đẩy mạnh hợp tác, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý thuế với các đối tác như Lào, Hàn Quốc cùng các tổ chức quốc tế như SGATAR, IMF trong đó có các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế đối với những lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mới, phức tạp như: chuyển giá, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, quyền đánh thuế giữa các quốc gia, thông kê thuế...

Công tác trao đổi thông tin quốc tế về thuế cũng đạt được những kết quả đáng kể. Năm 2024, ngành Thuế đã tiến hành xử lý 56 trường hợp⁸ đề nghị trao đổi thông tin theo Hiệp định với cơ quan thuế các nước. Các hồ sơ tập trung nhiều vào sắc thuế TNDN và GTGT (chủ yếu liên quan đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam), góp phần tích cực vào công tác chống gian lận và tăng thu ngân sách nhà nước⁹.

Năm 2024 đánh dấu bước tiến mới trong hội nhập quốc tế khi ngành thuế tích cực tham gia các hiệp định đa phương quan trọng. Đặc biệt, Việt Nam đã tham gia Hiệp định đa phương về Trao đổi báo cáo lợi nhuận quốc gia (CbC MCAA) và Trao đổi tự động thông tin tài khoản tài chính (CRS MCAA). Bên cạnh đó, việc tham gia sáng kiến toàn cầu về thuế như BEPS (chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận) thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về thuế.

⁷ Đã bao gồm số thu NSNN từ các nhà cung cấp nước ngoài

⁸ 35 trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài cung cấp thông tin; 06 trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam cung cấp thông tin; 06 trường hợp trao đổi thông tin tự nguyện do nước ngoài cung cấp (ao gồm các hồ sơ tiếp tục xử lý từ năm 2023).

⁹ Cục Thuế tỉnh Phú Thọ báo cáo kết quả số tiền thuế TNCN, tiền chậm nộp, tiền phạt xử lý tăng thu NS là gần 1,2 tỷ đồng. Cục Thuế tỉnh Bắc Giang báo cáo số tiền thuế TNCN truy thu /tăng thêm là hơn 12 tỷ đồng; số tiền phạt là hơn 2 tỷ đồng. Cục thuế TP. Hồ Chí Minh báo cáo số thuế GTGT không phải hoàn là hơn 1,8 tỷ đồng.

Những nỗ lực hội nhập quốc tế này không chỉ nâng cao năng lực quản lý thuế của Việt Nam mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của ngành thuế trong việc xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế. Điều này góp phần quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 cũng phát sinh một số tồn tại, hạn chế như sau:

2.2.1. Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ

Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Luật Quản lý thuế đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn đáng quan ngại, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế - những quy định này chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Nhóm thứ hai tập trung vào quy trình nộp thuế và ấn định thuế, trong đó nổi cộm là những bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, và đặc biệt là việc ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử. Đáng chú ý, công tác kiểm tra và thanh tra thuế cũng đang gặp nhiều trở ngại, điển hình là việc thiếu chế tài xử phạt đối với doanh nghiệp không ký xác nhận số liệu, cũng như hạn chế trong phân tích rủi ro hồ sơ khai thuế trên hệ thống TTR. Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế mà còn tạo ra những điểm mờ trong việc thực thi pháp luật, đòi hỏi cần có những điều chỉnh kịp thời và toàn diện.

2.2.2. Chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số đã tạo ra những thách thức lớn mà khung pháp lý hiện hành của Luật Quản lý thuế chưa thể bắt kịp và điều chỉnh hiệu quả. Đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ, việc thiếu vắng các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến đang trở thành điểm nghẽn đáng kể. Tình trạng này càng trở nên phức tạp hơn đối với các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa. Mặt khác, việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi phải có những điều chỉnh căn bản trong cơ chế quản lý thuế. Những điều chỉnh này cần đảm bảo vừa tuân thủ các cam kết quốc tế, vừa tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời vẫn phải đảm bảo được tính công bằng trong cạnh tranh thương mại và không để thất thu ngân sách nhà nước.

2.2.3. Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

Việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý thuế đang bộc lộ nhiều điểm yếu đáng quan ngại. Trước hết, hệ thống pháp lý hiện hành chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Điều này khiến cơ quan thuế gặp khó khăn trong việc khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu khổng lồ về người nộp thuế để phục vụ công tác quản lý. Bên cạnh đó, khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử toàn diện còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt trong các khâu như kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và hóa đơn điện tử. Hệ quả là việc số hóa quy trình nghiệp vụ diễn ra manh mún, thiếu tính liên thông và chưa tạo được đột phá trong cải cách thủ tục hành chính thuế. Đáng chú ý, tốc độ chuyển đổi số của ngành thuế Việt Nam đang tụt hậu so với xu thế chung của thế giới, trong khi các nước đã và đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế mà còn làm giảm năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2.2.4. Hạn chế trong kiểm soát gian lận

Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn không đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

2.2.5. Chậm đổi mới theo xu hướng quốc tế

Sự chậm trễ trong việc đổi mới công tác quản lý thuế theo xu hướng quốc tế đang là một điểm yếu đáng quan ngại. Trong khi các nước đã và đang tập trung mạnh mẽ vào số hóa toàn diện, triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến trong quản lý thuế, thì Việt Nam vẫn chưa theo kịp xu thế này. Điều này thể hiện qua ba khía cạnh chính: Thứ nhất, hệ thống quản lý thuế điện tử chưa được phát triển đồng bộ và toàn diện từ khâu kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế trực tuyến, dẫn đến chi phí quản lý cao và thiếu minh bạch trong quy trình thực hiện. Thứ hai, việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường trong

giao dịch tài chính và kê khai thuế còn hạn chế, làm giảm hiệu quả công tác quản lý rủi ro. Thứ ba, cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng để khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ, trong khi đây đang là xu hướng được các nước chú trọng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế.

2.3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

2.3.1. Bối cảnh kinh tế và thương mại

Sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu do tác động kép từ đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Điều này trực tiếp làm suy giảm khả năng tài chính và thu nhập của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Đồng thời, xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng cùng với sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản cấu trúc hoạt động của các doanh nghiệp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và các giao dịch chuyên giá trong tập đoàn đa quốc gia. Những thay đổi này tạo ra những thách thức chưa có tiền lệ trong công tác quản lý thuế, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trong khi đó, khả năng dự báo và ứng phó của các cơ quan quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp tốc độ biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, dẫn đến những khoảng trống trong quản lý thuế đối với các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

2.3.2. Hệ thống pháp lý và thực thi

Hệ thống pháp lý và thực thi trong quản lý thuế đang bộc lộ những điểm yếu cốt lõi cần được giải quyết. Trước hết, tính thiếu đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế với các văn bản pháp luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã tạo ra những khoảng trống trong quản lý. Điều này xuất phát từ việc phải liên tục điều chỉnh các quy định để theo kịp bối cảnh kinh tế mới, dẫn đến sự chồng chéo và thiếu nhất quán trong thực thi.

Đáng chú ý hơn, thẩm quyền hạn hẹp của cơ quan thuế trong công tác thanh tra, kiểm tra đang là rào cản lớn trong việc phát hiện và xử lý vi phạm. Cụ thể, cơ quan thuế không được phép tiến hành kiểm tra đột xuất tại trụ sở doanh nghiệp, không có quyền điều tra và thẩm vấn các đối tượng liên quan. Thay vào đó, họ phải tuân theo quy trình thông báo trước và chỉ được thanh tra theo kế hoạch định sẵn. Hạn chế này tạo cơ hội cho các đối tượng vi phạm có thời gian che giấu, xóa dấu vết và tiêu hủy chứng cứ.

Thêm vào đó, cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra còn nhiều bất cập. Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm, quy trình chuyển hồ sơ giữa các cơ quan thường diễn ra chậm chạp, thiếu tính kết nối. Nhiều trường hợp hồ sơ tồn đọng do không được hồi báo hoặc hồi báo muộn, thậm chí khi chuyển trả về để xử lý hành chính thì đã quá thời hiệu. Hệ quả là hiệu quả răn đe trong xử lý vi

phạm bị giảm sút đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực thực thi pháp luật thuế.

2.3.3. Năng lực quản lý và nguồn lực

Yếu tố năng lực quản lý và nguồn lực đang bộc lộ những điểm yếu đáng quan ngại trong hệ thống quản lý thuế. Trước hết, hạn chế nổi bật nhất là sự thiếu đồng bộ và chưa hoàn thiện của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan quản lý. Điều này không chỉ cản trở việc chia sẻ thông tin kịp thời mà còn làm giảm hiệu quả trong việc giám sát và quản lý người nộp thuế. Thêm vào đó, năng lực dự báo và phân tích tình hình kinh tế của đội ngũ quản lý còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc không nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường để đưa ra các chính sách phù hợp. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao - những người có khả năng thành thạo ngoại ngữ và am hiểu sâu về các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như chuyển giá, thương mại điện tử. Tình trạng này càng trở nên đáng lo ngại trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi trình độ chuyên môn và khả năng xử lý các tình huống phức tạp ngày càng cao. Bên cạnh đó, việc thiếu các cơ chế đãi ngộ, khuyến khích và đào tạo phù hợp cũng góp phần làm trầm trọng thêm vấn đề thiếu hụt nhân sự chất lượng cao trong ngành thuế. Cuối cùng, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận không nhỏ người nộp thuế còn yếu kém, phản ánh sự thiếu hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế cũng như việc thực thi các biện pháp răn đe, xử phạt vi phạm.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá toàn bộ nội dung của Luật Quản lý thuế. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được bố cục gồm 17 chương với 152 Điều trong đó: Chương I quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 13); Chương II quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế (từ Điều 14 đến Điều 29); Chương III quy định về đăng ký thuế (từ Điều 30 đến Điều 41); Chương IV quy định về khai thuế, tính thuế (Điều 42 đến Điều 48); Chương V quy định về ấn định thuế (Điều 49 đến Điều 54); Chương VI quy định về nộp thuế (Điều 55 đến Điều 65); Chương VII quy định về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (Điều 66 đến Điều 69); Chương VIII quy định về thủ tục hoàn thuế (Điều 70 đến Điều 77); Chương IX quy định về không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoãn tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, tiềm chậm nộp, tiền phạt (Điều 78 đến Điều 88); Chương X quy định về áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử (Điều 89 đến Điều 94); Chương XI quy định về Thông tin người nộp thuế (Điều 98 đến Điều 100); Chương XII quy định về tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm thủ tục hải quan (Điều 101 đến Điều 106); Chương XIII quy định về kiểm tra thuế, thanh tra thuế (Điều 107 đến Điều 123); Chương XIV quy định về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 124 đến Điều 135); Chương XV quy định về xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (Điều

136 đến Điều 146); Chương XVI quy định về Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện (Điều 147 đến Điều 149); Chương XVII quy định về Điều khoản thi hành (Điều 150 đến Điều 152).

Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật 56/2024/QH15). Theo đó, Luật Quản lý thuế đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều (sửa đổi, bổ sung: khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 11, khoản 8 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 42, khoản 1 Điều 47, khoản 2b Điều 59, khoản 2 Điều 61, khoản 1 Điều 66, khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 76, khoản 3 Điều 125 và bãi bỏ một số khoản tại một số điều: khoản 2, khoản 3 Điều 47, khoản 3 Điều 75, khoản 7 Điều 124).

Trên cơ sở đánh giá, tổng kết, nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế được chia thành 06 nhóm chính sách chính như sau:

1. Chính sách 1: cải cách thủ tục hành chính trong quản lý thuế

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước đã được sắp xếp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả thì cải cách TTHC không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn, góp phần kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế. Công tác cải cách TTHC là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, liên tục và cấp thiết, nhằm tháo gỡ vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp (DN), từ đó tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững. Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, tiến tới chủ trương thực hiện thủ tục hành chính toàn trình trên nhiều nội dung của quản lý thuế.

- Luật QLT hiện hành đã có quy định về quyền của người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, để thúc đẩy tính tự nguyện, tự giác chấp hành pháp luật thuế, cần bổ sung quy định ưu tiên người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế trong thực hiện thủ tục hành chính thuế.

- Cá nhân là người Việt Nam được sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế và thông tin định danh cá nhân được xác thực bởi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Do vậy, để đơn giản hóa thủ tục hành chính cho cá nhân là người Việt Nam, cần sửa đổi quy định tại Luật QLT cho phù hợp.

- Từ ngày 1/7/2023 hộ kinh doanh thuộc đối tượng liên thông với đăng ký kinh doanh. Do vậy, cần sửa đổi đối tượng là hộ kinh doanh để phù hợp với pháp luật liên quan, đồng thời cắt giảm thủ tục hành chính.

- Về thời hạn đăng ký thuế lần đầu, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về ngày thanh toán lần đầu cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp không ký hợp đồng và thời hạn đăng ký thuế trong trường hợp người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế

qua hồ sơ khai thuế để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế đã được cấp dưới dạng điện tử, vì vậy, có thể bổ sung quy định giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế bản điện tử có giá trị pháp lý tương đương bản giấy, và trường hợp người nộp thuế bị mất, rách, nát, cháy giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế đã được cấp trước đây và chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế dưới dạng điện tử, cơ quan thuế cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế cho người nộp thuế dưới dạng điện tử.

- Cần bổ sung trách nhiệm của người nộp thuế cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin mã số thuế cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay theo quy định nhằm đảm bảo thông tin người nộp thuế được kê khai đầy đủ đến cơ quan thuế tại hồ sơ kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp thuế thay cho người nộp thuế.

- Để đảm bảo thống nhất quy định về quản lý thuế, cần bổ sung quy định Người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế/Người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Nguyên tắc khai thuế, tính thuế là tự khai, tự nộp. Do đó, việc NNT kê khai sai hồ sơ khai thuế là không thể tránh khỏi. Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế hiện nay đã được ứng dụng công nghệ thông tin tự động hóa trên cơ sở các tiêu chí kiểm tra hồ sơ do ngành Thuế xây dựng. Tuy nhiên, do việc kiểm tra các thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế chưa thể thực hiện ngay tại bước tiếp nhận hồ sơ nên việc kiểm tra vẫn cần thực hiện theo 2 bước (bước 1: tiếp nhận, bước 2: chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ khai thuế).

Đối với hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN đồng thời là hồ sơ đề nghị hoàn thuế (theo quy định hiện hành) cần có thời gian kiểm tra, đối chiếu các ràng buộc đảm bảo chấp nhận đồng thời 02 nghiệp vụ thuế cùng một lúc nên cần có quy định riêng về thời hạn trả thông báo chấp nhận hồ sơ theo từng loại hồ sơ khai thuế. Đối với hồ sơ nhận thủ công bằng bản giấy thì cần có thời gian nhập liệu.

- Về xử lý số tiền thuế nộp thừa, cần bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ và quy định Cơ quan quản lý thuế xử lý bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Về các trường hợp hoàn thuế, cần sửa đổi để bao gồm việc hoàn trả của cơ quan hải quan. Đồng thời, để đảm bảo làm thủ tục để nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự, cần bổ sung trường hợp hoàn thuế đối với cá nhân là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

- Về trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn

thuế, cần bổ sung quy định trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư khác tỉnh thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế tại địa bàn nơi có dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư đi qua nhiều tỉnh thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế tại địa bàn nơi có dự án đầu tư và nơi có Ban quản lý dự án. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế nơi đặt văn phòng điều hành, công ty điều hành chung, công ty liên doanh do đặc thù dự án tìm kiếm thăm dò là dự án nằm ở ngoài khơi, không có căn cứ để xác định theo địa giới hành chính.

- Về phân loại hồ sơ hoàn thuế, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, cần nghiên cứu sửa đổi quy định người nộp thuế không giải trình bổ sung hồ sơ hoàn thuế sẽ thuộc diện chuyển sang kiểm tra vì qua quá trình thực hiện người nộp thuế thường lợi dụng quy định này để không giải trình để được chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước làm quá tải cho cơ quan quản lý thuế và không chấp hành nghiêm túc thông báo yêu cầu giải trình của cơ quan quản lý thuế.

- Cần đẩy mạnh cơ chế tự động trong hoàn thuế như quy định cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định hoàn, lệnh hoàn hoặc ký nhân danh từ hệ thống xử lý tự động.

- Để đảm bảo sự thống nhất mỗi doanh nghiệp chỉ sử dụng 1 loại hóa đơn điện tử đồng thời cũng là hỗ trợ doanh nghiệp tiết kiệm chi phí tránh trường hợp phải đầu tư hệ thống hóa đơn đáp ứng cho cả sử dụng hóa đơn có mã và không có mã, trong khi số lượng hóa đơn không mã sử dụng cho hoạt động các kinh doanh khác là không nhiều, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định rõ các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực (đang sử dụng hóa đơn điện tử không mã) nếu có các hoạt động kinh doanh khác (ngoài 15 lĩnh vực nêu trên) thì cũng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

- Để đơn giản hóa thủ tục hành chính, khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhân dạng, cư trú của công dân mà đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân thì cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

- Về cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, để thực hiện chủ trương thực hiện thủ tục hành chính toàn trình, cần bổ sung quy định phương thức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là phương thức giao dịch điện tử.

- Về quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về ngày bắt đầu hiệu lực của quyết định cưỡng chế để phù hợp với thực tế thực hiện, đảm bảo ban hành quyết định cưỡng chế kịp thời khi người nộp thuế đến hạn phải cưỡng chế.

2. Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế

Hiện nay, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường phân cấp, phân quyền, những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ thì cần quy định tại các văn bản phù hợp như Nghị định hoặc Thông tư, không đưa vào Luật. Theo đó, Luật chỉ quy định các nguyên tắc chung, còn quy định chi tiết giao Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành văn bản dưới luật.

Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền như: phân cấp quản lý thuế giữa các cấp cơ quan quản lý thuế theo mô hình tổ chức mới; phân quyền thu thuế cho các cơ quan nhà nước khác (các cơ quan chuyên ngành có trách nhiệm xác định và thu một số khoản thu NSNN thay vì chỉ cơ quan thuế thực hiện); phạm vi quản lý của cơ quan thuế đối với các khoản thu do cơ quan thuế quản lý và không do cơ quan thuế quản lý; cơ chế phối hợp liên ngành (quy định rõ trách nhiệm của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương trong việc hỗ trợ quản lý thuế); bổ sung thẩm quyền khoanh nợ cho Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý khoản thu và cơ quan thuế quản lý trực tiếp có khoản nợ thuế đáp ứng điều kiện về khoanh nợ có thẩm quyền quyết định việc khoanh nợ; bổ sung mở rộng việc giao quyền cho cấp phó theo hướng người có thẩm quyền cưỡng chế có thể giao quyền cho cấp phó bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Ngoài ra, đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ thì cần quy định tại các văn bản phù hợp như Nghị định hoặc Thông tư như:

- Quy định về tổ chức, cá nhân nộp thay thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước;
- Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý;
- Quy định địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế;
- Nguyên tắc quản lý thuế trong trường hợp Luật quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành cùng quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế thì cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế;
- Quy định đồng tiền ngoại tệ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi;
- Làm rõ nội hàm phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định tiêu chí quản lý thuế, tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, phân loại và kiểm soát mức độ rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế;
- Quy định về hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế trong việc Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các thỏa thuận song phương, đa phương

về chính sách thuế và quản lý thuế với cơ quan quản lý thuế nước ngoài và thực hiện các biện pháp hỗ trợ thu thuế theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Sửa đổi, bổ sung rõ thẩm quyền của Bộ Tài chính trong việc: xây dựng văn bản quy phạm pháp về quản lý thuế, thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; quy định về thủ tục, quy trình nghiệp vụ thu, nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; và chiến lược về cải cách hệ thống thuế dài hạn.

- Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ của Chính phủ về chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế trong trường hợp tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền được giao tại Nghị quyết số 107/2024/NQ-QH15 (Điều 19).

Sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn cung cấp thông tin của tổ chức tín dụng để tăng cường hiệu quả trong việc cưỡng chế thu hồi tiền thuế nợ, kiểm tra, nhận diện và ngăn chặn gian lận thuế, đặc biệt đối với người nộp thuế không đăng ký kinh doanh, không đăng ký mã số thuế.

Bổ sung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm vụ hướng dẫn cấp mã số thuế và quy định cấu trúc mã số thuế do cơ quan thuế cấp, việc cấp mã số thuế (MST) nộp thay để đảm bảo yêu cầu quản lý (Điều 30).

- Đối với các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và liên quan đến các tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay hoặc khấu trừ, nộp thuế thay, nghiên cứu giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Về nơi nộp hồ sơ khai thuế, cần bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp đặc thù để tạo cơ sở pháp lý cho việc linh hoạt xác định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế phù hợp với đặc thù của từng đối tượng nộp thuế và điều kiện thực tế của từng địa phương; đồng thời, tạo điều kiện để Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ động điều chỉnh quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đáp ứng yêu cầu của công tác phân cấp quản lý thuế và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, hướng tới xây dựng hệ thống quản lý thuế điện tử thống nhất trên toàn quốc, góp phần cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Các quy định về gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn cơ quan thuế phải ban hành thông báo gửi người nộp thuế.

- Các quy định về ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế (phương pháp, trình tự, thủ tục ấn định thuế phù hợp với từng loại hình vi phạm pháp luật thuế)

- Bổ sung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa.

- Sửa đổi, bổ sung giao Chính phủ quy định đối tượng, loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, thời gian, trình tự thủ tục, hồ sơ gia hạn nộp thuế đối với việc gia hạn thuế trong trường hợp đặc biệt.

- Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn “trình tự, thủ tục, thẩm quyền hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế” và bổ sung quy định “Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế”.

- Quy định chi tiết về cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

- Bổ sung thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế để quy định rõ thẩm quyền quyết định miễn, giảm thuế của thủ trưởng cơ quan quản thuế, cơ quan hải quan các cấp và bổ sung quy định trong trường hợp giải quyết miễn giảm thuế tự động để làm rõ thẩm quyền và tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền hoàn thuế, thu hồi miễn thuế, tiền giảm thuế, quy trình miễn thuế, giảm thuế tự động.

- Quy định chi tiết về thủ tục, hồ sơ khoanh nợ.

- Mở rộng thẩm quyền xóa nợ của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

- Quy định chi tiết thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin của người nộp thuế trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin của người nộp thuế.

- Quy định chi tiết hồ sơ tra soát, điều chỉnh thông tin trường hợp các tổ chức phát hiện sai, sót cần điều chỉnh đối với thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan.

- Quy định chi tiết trường hợp phá sản, chuyển địa điểm kinh doanh mà cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế và các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

- Quy định chi tiết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

- Quy định chi tiết hành vi vi phạm về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu.

- Quy định chi tiết hành vi trốn thuế.

- Quy định chi tiết về xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế.

- Bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản

quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quy định chi tiết về tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế.

3. Chính sách 3: Chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa công tác quản lý thuế

Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường áp dụng công nghệ mới trong quản lý thuế lý theo quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Tài chính xác định việc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ quản lý thuế theo luồng công việc nhằm hỗ trợ tự động hóa tối đa các bước xử lý, phù hợp với chuẩn mực quốc tế là yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý thuế. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật Quản lý thuế để thực hiện chủ trương chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57/NQ-TW và nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số, tự động hóa trong quản lý thuế như:

- Cần mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ số, bổ sung quy định về hệ sinh thái số trong quản lý thuế nhằm xây dựng hệ thống quản lý thuế điện tử thông minh có khả năng tự động phân tích rủi ro, dự báo gian lận thuế; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Bổ sung quy định quy định về trách nhiệm của các Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Công thương, Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Nông nghiệp và môi trường, Bộ Xây dựng trong việc kết nối, chia sẻ về thông tin của công dân, các thông tin thay đổi của công dân cho Bộ Tài chính (cơ quan thuế) tự động theo phương thức điện tử; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về các thủ tục hành chính liên quan đến xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai dành cho tổ chức và cá nhân; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên, khoáng sản để phục vụ việc xác định mức thuế tài nguyên, khoáng sản, thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai của cơ quan nhà nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu giao dịch tài chính nhằm xác định nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử và giao dịch xuyên biên giới.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của công chức thuế; phát triển nguồn nhân lực và thay đổi tư duy quản lý: tổ chức, đào tạo bồi dưỡng kiến thức công nghệ, phân tích dữ liệu, quản trị số cho công chức thuế các cấp; chuyển đổi tư duy từ quản lý thủ công sang quản trị số; lấy dữ liệu làm trung tâm, quy trình làm nền tảng, công nghệ làm công cụ.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng thực hiện các thủ tục trên môi trường điện tử (Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, Cổng dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử

của cơ quan quản lý thuế, Nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, Nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế).

- Để đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số trong đăng ký thuế - sử dụng dữ liệu liên thông giữa cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước khác, cần bổ sung quy định mã số đăng ký doanh nghiệp, mã số đăng ký hợp tác xã, mã số đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp hoặc số định danh cá nhân do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước cũng là mã số thuế. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định để quy định rõ tính pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế được cấp dưới dạng điện tử nhằm thúc đẩy chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính trên môi trường số.

- Bổ sung cơ chế bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế.

- Sửa đổi, bổ sung phương thức gửi hồ sơ điện tử, phản hồi thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế thông qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế.

- Bổ sung quy định về tổ chức cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế phải kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử cho cơ quan thuế.

- Bổ sung quy định về lồng ghép các nội dung về cơ sở dữ liệu người nộp thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tận dụng hạ tầng sẵn có.

- Bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của một số tổ chức liên quan đến hoạt động kinh doanh sản thương mại điện tử, nền tảng số và thực hiện thực hiện theo phương thức điện tử để thực hiện mục tiêu chuyển đổi số.

- Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến việc trao đổi thông tin cưỡng chế bằng phương thức điện tử giữa cơ quan thuế với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo các quyết định cưỡng chế/quyết định chấm dứt hiệu lực cưỡng chế được gửi/nhận ngay trong ngày ban hành.

- Bổ sung nội dung cho phép cơ quan thuế triển khai hệ thống ra quyết định hành chính tự động và tính pháp lý của Hệ thống thông tin quản lý thuế được sử dụng làm căn cứ ra quyết định hành chính thuế; thiết kế quy trình chuẩn để hệ thống tự động đánh giá điều kiện, xử lý kết quả và trả thông báo cho người nộp thuế mà không cần xử lý thủ công.

- Phát triển hệ sinh thái thuế số hỗ trợ người nộp thuế: Cung cấp hồ sơ thuế điện tử tập trung cho người dân và doanh nghiệp tra cứu được quá trình kê khai, nộp hoàn lịch sử thực hiện nghĩa vụ.

4. Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị có Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển tư nhân trong đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh như sau: *Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xoá bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026*” (điểm 7 mục III).

Ngày 16/05/2025, Chính phủ có Nghị quyết số 138/NQ-CP ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Ngày 17/5/2025, Quốc hội có Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân trong đó quy định: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật quản lý thuế* (khoản 6 Điều 10).

Để triển khai thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 198/2025/QH15 nêu trên, cần thiết đổi mới phương thức quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhằm thúc đẩy chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, sửa đổi quy định pháp lý về thuế để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp nhằm thực hiện chủ trương bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh như sau:

- Người đại diện hộ kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh và lấy số định danh cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh là mã số thuế của cá nhân kinh doanh. Do đó, cần sửa đổi quy định để xác định hộ kinh doanh là cá nhân kinh doanh, đồng thời, bổ sung quy định giải thích rõ cụm từ “cá nhân kinh doanh”.

- Rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các nội dung liên quan đến chế độ khoán thuế.

- Điều 51 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán. Tuy nhiên, để thực hiện chủ trương không áp dụng phương pháp khoán thuế theo các Nghị quyết trên, cần sửa đổi nội dung này thành nội dung quy định quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể:

Bổ sung quy định cơ quan thuế hỗ trợ tạo lập tờ khai điền sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế, gửi tờ khai điền sẵn cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp;

Bổ sung quy định về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân

kinh doanh căn cứ theo ngưỡng doanh thu hàng năm, mức tỷ lệ % làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân theo doanh thu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng năm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Về mức tỷ lệ %/doanh thu: chia ngưỡng doanh thu để quy định mức tỷ lệ % (ví dụ: đối với ngưỡng doanh thu dưới 3 tỷ đồng hoặc dưới 10 tỷ đồng: thực hiện áp dụng tỷ lệ % theo quy định của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành; đối với ngưỡng doanh thu trên 10 tỷ đồng dưới 20 tỷ đồng và ngưỡng doanh thu từ 20 tỷ đồng trở lên: tại Luật Quản lý thuế (thay thế) sẽ quy định một tỷ lệ % nhất định có thể tương đương với mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp¹⁰).

- Về quy định về chế độ kế toán và hóa đơn cần sửa đổi, bổ sung theo hướng:

+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên: Áp dụng chế độ kế toán đơn giản như các doanh nghiệp siêu nhỏ theo thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021; và Áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (đối với hộ kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng¹¹ phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế từ ngày 01/6/2025 theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025) hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

+ Đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 200 triệu đồng/năm đến dưới 01 tỷ đồng/năm:

Áp dụng hóa đơn điện tử hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế (Cơ quan thuế hỗ trợ cấp hóa đơn có mã lẻ online hoặc dùng phần mềm trung gian miễn phí) hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nếu hộ kinh doanh có điều kiện thực hiện hoặc bill tính tiền đáp ứng điều kiện về hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn đơn giản cho phép hộ kinh doanh lập “biên nhận bán hàng điện tử” qua app, Zalo, SMS, hoặc mẫu có mã QR theo quy định của Chính phủ (áp dụng trong giai đoạn từ 1/1/2026 đến 31/12/2026); Đồng thời, các hộ kinh doanh phải thực hiện lộ trình áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế như sau: Từ ngày 01/01/2027, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 800 triệu đồng trở lên phải áp dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế; Từ ngày 01/01/2028, mở rộng tiếp đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có ngưỡng doanh thu thuộc diện chịu thuế GTGT đến mức 800 triệu đồng phải áp dụng hóa

¹⁰ Hiện nay, tại dự thảo Luật thuế TNDN sửa đổi đang quy định mức thuế suất ưu đãi đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng và không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh là 15%; doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng là 17%). Do vậy, để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp thì cần quy định mức tỷ lệ %/doanh thu cao hơn nhiều so với tỷ lệ % đang quy định tại Luật thuế GTGT và Luật thuế TNCN

¹¹ Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế.

Thực hiện sổ sách để ghi chép doanh thu thực tế phát sinh theo hướng đơn giản nhưng có đủ thông tin để xác định chính xác nghĩa vụ thuế với Nhà nước (*Chính phủ/Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể sổ sách ghi chép và Bộ Tài chính cần sửa đổi bổ sung Thông tư 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn giản mẫu biểu*).

5. Chính sách 5: Chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết

- Về chức năng thanh tra thuế sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy và Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, cần thiết phải rà soát, bãi bỏ các quy định về thanh tra thuế.

- Về kiểm tra giá giao dịch liên kết: Theo thông lệ quốc tế thì thời gian thực hiện kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thường rất dài. Với việc chuyển thanh tra chuyên ngành thành kiểm tra chuyên ngành, nếu không có sự thay đổi quy định về thời gian thì việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết khó có thể thực hiện đạt hiệu quả.

Trong thực tế, thanh tra giá chuyển nhượng thường gặp nhiều khó khăn, phức tạp, dễ xảy ra tranh chấp khiếu nại, khiếu kiện do liên quan đến thuế quốc tế và bảo vệ quyền đánh thuế của các nước. Phía công ty con tại Việt Nam do chịu sự chi phối, kiểm soát từ Công ty mẹ nên vấn đề xử lý qua thanh tra, kiểm tra Công ty con báo cáo về Công ty mẹ quyết định và nhiều trường hợp các đoàn thanh tra phải chờ sắp xếp lịch làm việc đối thoại trực tiếp với Công ty con tại Việt Nam và Công ty mẹ nên thời gian thực hiện thanh tra thường kéo dài như: cuộc thanh tra Công ty TNHH Nước giải khát Coca - Cola (3 năm); Công ty TNHH Maersk Việt Nam (2 năm); Công ty TNHH Westlake compound Việt Nam, Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa, Công ty TNHH SYNGENTA Việt Nam, Công ty TNHH Partron Việt Nam (01 năm); ... Việc xử lý về thuế liên quan đến giải quyết tranh chấp về giá chuyển nhượng qua thanh tra thời gian giải quyết cũng rất dài (khoảng 2 – 5 năm).

Từ những thực tế nêu trên, để công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết có thể đạt hiệu quả, đề xuất bổ sung quy định về kiểm tra giá giao dịch liên kết bao gồm phạm vi, thời hạn, mục tiêu, nội dung kiểm tra giá giao dịch liên kết và trình tự, thủ tục, các điều kiện trước khi thực hiện kiểm tra giá giao dịch liên kết.

- Cần nghiên cứu, bổ sung các quy định về kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế vì trên thực tế phát sinh các trường hợp đã được kiểm tra nhưng có vi phạm như: Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành kiểm tra, Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận và xử lý vi

phạm hành chính về thuế, Nội dung kết luận, xử lý vi phạm về thuế không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra hoặc có dấu hiệu rủi ro cao theo tiêu chí đánh giá rủi ro qua phân tích đánh giá rủi ro, Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm về thuế trái pháp luật, Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng kiểm tra chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.

6. Chính sách 6: Hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế

6.1. Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy, Luật Quản lý thuế cần sửa đổi tên gọi của cơ quan thuế và các cơ quan khác tại các Điều khoản sau:

Khoản 2 Điều 2; khoản 7, khoản 8 Điều 3; Điều 15; khoản 1 Điều 76 (được sửa đổi tại khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15); khoản 3 Điều 76; khoản 2, khoản 3 Điều 87; khoản 3 Điều 93; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 103; khoản 1 Điều 126; khoản 2 Điều 139.

6.2. Sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về sắp xếp tổ chức bộ máy, cần rà soát Luật Quản lý thuế để sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác.

- Rà soát, bãi bỏ các nội dung về thanh tra thuế để phù hợp với Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế và các cơ quan khác sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

6.3. Sửa đổi quy định quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan

- Về đối tượng áp dụng: Thời gian qua, một số Luật liên quan đã sửa đổi bổ sung quy định về người nộp thuế mà tại Luật Quản lý thuế chưa có quy định như Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu¹²; Luật số 56/2024/QH15, Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15¹³. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát đầy đủ các đối tượng áp dụng cho phù hợp.

¹² Quy định người nộp thuế bao gồm 4 nhóm: chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu; người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi hoặc nhận hàng hóa qua cửa khẩu biên giới Việt Nam; người được ủy quyền bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế.

¹³ Bổ sung quy định về người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh

- Về giải thích từ ngữ, một số khái niệm, thuật ngữ cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và các quy định pháp luật mới. Ví dụ như khái niệm về các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu chưa phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về tài nguyên¹⁴. Quy định về tiền thuê mặt nước không còn phù hợp với Luật Đất đai 2024; Rà soát Luật Tàn số vô tuyến điện sửa đổi 2022 có khoản tiền cấp quyền sử dụng tần vô tuyến điện...Do đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên để đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng và thống nhất giữa Luật Quản lý thuế với các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Để phù hợp với quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng, cần bổ sung quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng¹⁵ thuộc các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế.

- Về đồng tiền khai thuế, nộp thuế, cần bổ sung quy định về tỷ giá giao dịch thực tế thực hiện theo pháp luật về kế toán để thống nhất trong thực hiện.

- Luật QLT năm 2019 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế được tính theo ngày dương lịch. Cần bổ sung quy định tham chiếu đến cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ để khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- Để bao quát thực tế và đồng bộ với pháp luật liên quan, cần bổ sung quy định về việc ủy quyền cho cá nhân khác khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và pháp luật về hải quan.

- Để đảm bảo thống nhất với Luật Hải quan, cần bổ sung quy định trách nhiệm nộp thuế và tiền chậm nộp của người nộp thuế khi sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng mục đích đã khai báo.

- Để bao quát đầy đủ theo quy định Luật các tổ chức tín dụng, cần rà soát, sửa đổi cụm từ "*ngân hàng thương mại*" thành "*tổ chức tín dụng*".

- Rà soát, sửa đổi quy định về thời hạn bảo lãnh để đảm bảo tính khả thi và tránh xung đột pháp luật (pháp luật hợp đồng bảo lãnh hiện hành đều quy định rõ thời hạn bảo lãnh).

- Về đăng ký thuế và mã số thuế: Sửa đổi, bổ sung các đối tượng phải đăng ký thuế, nguyên tắc cấp mã số thuế. Bổ sung trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế của các tổ chức có liên quan.

dựa trên nền tảng số; quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số trong việc khấu trừ, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

¹⁴ Một số khoản thu như "tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công" và "Tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo" đang có sự không thống nhất về cơ quan quản lý thu

¹⁵ Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

- Về thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế: Bổ sung quy định người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Về thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh: Bổ sung quy định người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, cần rà soát, sửa lại câu chữ về tổ chức lại doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về khôi phục mã số thuế đối với trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định về chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Bổ sung quy định về hồ sơ khai thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: Bổ quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quý và sửa đổi quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế phải khai quyết toán thuế.

- Về thời hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu: Tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện tạm nộp theo quý. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung tại Luật để áp dụng nhất quán. Đồng thời, cần sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

- Về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, cần bổ sung trường hợp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Cụm từ “đơn vị phụ thuộc” đã bao gồm chi nhánh theo quy định của Luật Doanh nghiệp (đơn vị phụ thuộc gồm chi nhánh, văn phòng đại diện), do đó cần sửa đổi theo hướng bỏ cụm từ “chi nhánh” để phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Đồng thời, cần rà soát, sửa đổi quy định về hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất để phù hợp với quy định này.

- Về trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế: Sửa đổi quy định để bổ sung quy định trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư khác tỉnh thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế tại địa bàn nơi có dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư đi qua nhiều tỉnh thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế tại địa bàn nơi có dự án đầu tư và nơi có Ban quản lý dự án. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với dự án đầu tư là cơ quan thuế nơi đặt văn phòng điều hành,

công ty điều hành chung, công ty liên doanh do đặc thù dự án tìm kiếm thăm dò là dự án nằm ở ngoài khơi, không có căn cứ để xác định theo địa giới hành chính.

- Sửa đổi quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế và quy định phân loại đối với hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không thực hiện thanh toán qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật để không bao gồm hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về thuế GTGT là không thanh toán qua ngân hàng thì không được hoàn thuế.

- Để đảm bảo thống nhất với pháp luật về thuế (Điều 37a được bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 78 theo hướng quy định không thu thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), cần sửa đổi quy định về không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Về thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ, cần bổ sung các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để bao quát các khoản thu. Đồng thời, bổ sung thêm giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để phù hợp với thực tế quản lý thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định dịch vụ về hóa đơn điện tử để đảm bảo thống nhất với quy định chung về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin; đồng thời, cần quy định rõ các loại hình dịch vụ cũng như phù hợp với thực tế triển khai các dịch vụ về hoá đơn điện tử khi thực hiện quy định.

- Về bảo mật thông tin người nộp thuế: Để phù hợp với quy định tại Luật Tiếp cận thông tin, cần bổ sung nội dung về các trường hợp cung cấp thông tin người nộp thuế được công khai trong một số trường hợp cụ thể.

- Về kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế: Quy định hiện hành về việc kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế chưa bao quát hết các trường hợp kiểm tra thuế của cơ quan hải quan. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan. Do đó, cần sửa đổi quy định để bao quát các trường hợp kiểm tra và quyền hạn xử lý thuế của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

- Về kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế: Bỏ trường hợp “chuyển đổi loại hình doanh nghiệp” vì trường hợp này không phải quyết toán thuế, không phải hoàn thành nghĩa vụ thuế nên không cần thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế; bổ sung trường hợp “phá sản” do trường hợp này phải quyết toán thuế, phải hoàn thành nghĩa vụ thuế nên phải thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Đồng thời, để đảm bảo bao quát hết các trường hợp cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế cần bổ sung quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế do

cơ quan hải quan thực hiện.

- Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Hiện nay mẫu Thông báo chưa đáp ứng được điều kiện về xác định điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế quy định hành vi vi phạm của người nộp thuế nên chưa bảo đảm yêu cầu về nội dung của Mẫu Biên bản vi phạm hành chính theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nên đối với hành vi vi phạm thủ tục về thuế hiện nay thì cơ quan vẫn phải lập biên bản vi phạm hành chính. Do đó, việc bổ sung quy định về điều kiện nêu trên để bảo đảm tính thống nhất với pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- Theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 thời hiệu xử phạt vi phạm về hóa đơn là 01 năm. Tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2022 thời hiệu xử phạt vi phạm về hóa đơn là 02 năm. Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định *“Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập”*. Đồng thời Luật xử lý vi phạm cũng đang được nghiên cứu sửa đổi theo hướng giao quy định về thời hiệu về cho các Luật chuyên ngành. Do đó, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn cần quy định cụ thể là phù hợp tại Luật Quản lý thuế.

- Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Luật sửa đổi, bổ sung Luật xử lý vi phạm hành chính (dự kiến có hiệu lực từ 01/7/2025) định hướng sửa đổi quy định người có thẩm quyền xử phạt thuộc các lực lượng thuế và Hải Quan. Do đó, cần sửa đổi quy định này để đảm bảo tính thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung Luật xử lý vi phạm hành chính và để phù hợp với cơ cấu tổ chức của ngành hải quan do không còn chức danh Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu.

- Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có quy định về hoãn thi hành quyết định phạt tiền. Do đó, cần bổ sung quy định về hoãn thi hành quyết định phạt tiền để bảo đảm tính thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC hiện hành và dự kiến sửa đổi.

- Về miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định miễn tiền phạt cho người nộp thuế bị phạt tiền mà bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng. Tuy nhiên, Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có quy định rộng hơn về hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm tiền phạt vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn mà không nhất thiết phải gắn với thiệt hại về tài sản, hàng hóa. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi để hài hòa với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và để đảm bảo tính khả thi, cần không chế mức miễn, giảm tiền phạt không quá giá trị thiệt hại về tài sản, hàng hóa, chi phí phát sinh do tai nạn, mắc bệnh hiểm nghèo.

6.4. Sửa đổi quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế

- Để đảm bảo bao quát đầy đủ phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế, cần bổ sung nội dung về quy định trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Về giải thích từ ngữ: Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định để bao quát các khoản thuộc ngân sách nhà nước; quy định về trụ sở cơ quan quản lý thuế; quy định đầy đủ thành phần của hồ sơ thuế; quy định về hoàn thành nghĩa vụ thuế; rủi ro về thuế và quản lý rủi ro trong quản lý thuế; quy định về thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế, xác định giá trong giao dịch liên kết (Thỏa thuận APA) và các nội dung của một thỏa thuận APA; khái niệm chi tiết về tham vấn trong giải quyết khiếu nại; quy định thông tin người nộp thuế; quy định về “Chương trình tuân thủ tự nguyện”, “Chương trình tuân thủ tổng thể” để làm rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế.

- Về nội dung quản lý thuế: Sửa đổi quy định để làm rõ nội hàm của việc gia hạn thuế.

- Về nguyên tắc quản lý thuế: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo bao quát đầy đủ nghĩa vụ và phạm vi quản lý thu. Ngoài ra, để phù hợp với việc thay đổi chức năng quản lý tuân thủ và trách nhiệm của cơ quan thuế, cần bổ sung chương trình nâng cao tuân thủ tự nguyện và tổng thể của người nộp thuế.

- Về quản lý rủi ro trong quản lý thuế: Sửa đổi quy định để làm rõ thêm nội hàm của quy định “Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế”. Cần làm rõ mục đích sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ cũng như cơ sở để xây dựng các chương trình hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế. Đồng thời, rà soát, sửa đổi để làm rõ nội hàm của việc nâng cao hiện đại hóa và chuyên đổi số trong công tác quản lý thuế của Cơ quan quản lý thuế.

- Về hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế: Cần sửa đổi để làm rõ nội dung của thỏa thuận song phương, đa phương với cơ quan quản lý thuế nước ngoài và bao quát hoạt động kinh doanh thương mại điện tử xuyên biên giới, đồng thời rà soát sửa đổi để khái quát chung các biện pháp thu nợ thuế.

- Về kế toán, thống kê về thuế: Cần quy định rõ nhiệm vụ hạch toán kế toán, thống kê các khoản thu khác thuộc NSNN bao gồm các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

- Về quyền của người nộp thuế: Sửa đổi về câu chữ để bao gồm các văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan hải quan. Đồng thời, quy định rõ xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu phải nộp thuộc ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm của người nộp thuế: Sửa đổi quy định để tăng cường trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời của người nộp thuế, trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội.

- Về nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế: Cần rà soát, sửa đổi quy định để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và phù hợp với nội dung quản lý thuế và tương ứng với quyền hạn của Cơ quan thuế. Đồng thời, cần có quy định về việc khôi phục lại mã số thuế cho người nộp thuế để xử lý bất cập phát sinh và phù hợp thực tiễn.

- Về quyền hạn của cơ quan quản lý thuế: Bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế được yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh không thực hiện việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian cơ quan quản lý thuế đang tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của doanh nghiệp về pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan để tăng cường công tác quản lý thuế. Đồng thời, bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế được yêu cầu người nộp thuế thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, bổ sung quyền hạn của cơ quan quản lý thuế được tổ chức triển khai Chương trình tuân thủ tổng thể, chương trình tuân thủ tự nguyện.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra nhà nước: Cần rà soát, sửa đổi quy định để cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp có cơ sở theo dõi phối hợp thực hiện.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng: Thực tế có nhiều người nộp thuế không đăng ký kinh doanh, không đăng ký mã số thuế nên cơ quan thuế cần có thông tin để rà soát đối chiếu xác định nghĩa vụ thuế của các đối tượng này. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin về số tài khoản thanh toán của người nộp thuế, thông tin giao dịch qua tài khoản, thời gian thực hiện cung cấp, phương thức cung cấp để tăng cường hiệu quả trong việc cưỡng chế thu hồi tiền thuế nợ, kiểm tra, nhận diện và ngăn chặn gian lận thuế. Đối với việc xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, cần bổ sung trách nhiệm nộp thay thuế cho người nộp thuế của tổ chức tín dụng để xử lý bất cập phát sinh trong thực tiễn và đảm bảo thu đủ thuế cho ngân sách nhà nước.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác: Để tăng cường công tác quản lý thuế, cần nghiên cứu bổ sung trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế của các tổ chức có liên quan.

- Về đăng ký thuế, mã số thuế, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu, thời hạn đăng ký thuế lần đầu, thông báo mã số thuế, trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Cần bổ sung các quy định tương ứng để phù hợp và bao quát đối tượng theo quy định Thuế tối thiểu toàn cầu.

- Về chấm dứt hiệu lực mã số thuế: Sửa đổi, bổ sung quy định để bao quát đầy đủ các loại giấy phép theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh. Cần nghiên cứu bổ sung quy định chấm dứt mã số thuế để bao quát hết các trường hợp. Mã số thuế tồn tại suốt cuộc đời cá nhân nên không bị chấm dứt hiệu lực khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, do vậy cần sửa

đổi loại trừ trường hợp này cho phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC thì từ ngày 01/07/2025, số định danh sẽ là mã số thuế, do đó cần sửa đổi để phù hợp với quy định này. Sửa đổi để phù hợp với việc tích hợp/liên thông thủ tục, theo đó tách riêng trường hợp chấm dứt sự tồn tại của pháp nhân/cá nhân, trường hợp ngừng phát sinh nghĩa vụ nghĩa vụ thuế hoặc ngừng giao dịch với cơ quan thuế.

- Về nguyên tắc khai thuế, tính thuế: Sửa đổi quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế và cơ quan nhà nước được giao quản lý khoản thu NSNN trong công tác quản lý thuế; sửa đổi quy định về việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế. Đồng thời, bổ sung quy định về trách nhiệm của Tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế.

- Về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: Bổ sung quy định để phù hợp với quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu.

- Về khai bổ sung hồ sơ khai thuế: Bổ sung thêm các trường hợp được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót để bao quát được hết các trường hợp phát sinh trong thực tế.

- Về ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế: Cần bổ sung trách nhiệm của các cơ quan/tổ chức có liên quan trong việc cung cấp dữ liệu, thông tin ngành nghề có liên quan đến người nộp thuế bị ấn định để tạo điều kiện cho Cơ quan thuế khi thu thập dữ liệu làm cơ sở ấn định đồng thời tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan/tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cơ quan thuế. Nghiên cứu bổ sung căn cứ ấn định thuế để cơ quan thuế dễ dàng tra cứu, so sánh để áp dụng khi ấn định giá mua bán hàng hóa hoặc giá trị công trình xây dựng có thể sử dụng cơ sở dữ liệu hoặc các tài liệu của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan như cơ quan Hải quan, suất vốn đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng, giá trị trên sổ sách kế toán, giá trị giao dịch thông thường của bản thân doanh nghiệp, thông tin về các giao dịch kinh tế giữa người nộp thuế với tổ chức, cá nhân có liên quan tạo sự công khai, minh bạch, tránh rủi ro cho cơ quan thuế. Đồng thời, bổ sung các trường hợp ấn định thuế để bao quát vướng mắc phát sinh từ thực tiễn (*trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường; có hành vi trốn thuế, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật*)

- Về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế: Việc ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế tại thời điểm ấn định có tính pháp lý cao nhất, do đó, trường hợp sau khi giải quyết khiếu nại, khởi kiện mà số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế lớn hơn số tiền thuế phải nộp thì cơ quan quản lý thuế chỉ hoàn trả số tiền thuế nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế.

- Về hình thức nộp thuế: Các hình thức thanh toán điện tử đang phát triển rất nhanh và đa dạng, do đó trong thời gian tới các hình thức nộp thuế truyền thống như nộp tại Kho bạc nhà nước, nộp tại cơ quan thuế, nộp tại tổ chức ủy nhiệm thu sẽ cần được cân nhắc sửa đổi, thay thế phù hợp với phát triển nhanh, đa dạng của các hình thức thanh toán.

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo hướng thuận lợi cho người nộp thuế và bao quát hết các khoản thu.

- Nhằm bao quát đủ các loại hình tổ chức trong phối hợp thu ngân sách nhà nước, cần sửa đổi quy định về xác định ngày đã nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

- Về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu: Sửa đổi quy định để bao quát tiền thuế nợ gồm thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Đồng thời, bổ sung các trường hợp không tính tiền chậm nộp để thống nhất với các đề xuất sửa đổi tại Luật Quản lý thuế. Bổ sung quy định để bao quát hết các trường hợp xác định giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế mà không chỉ qua thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về xử lý số tiền thuế nộp thừa: Sửa đổi quy định để đảm bảo thống nhất quy định về hoàn trả số tiền thuế nộp thừa và không hoàn trả tiền thừa đối với trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền thuế GTGT cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa nhưng người nộp thuế đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế nơi quản lý doanh nghiệp.

- Về nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện: Bổ sung quy định cụ thể trong trường hợp người thực hiện tính số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt không phải là cơ quan thuế.

- Về gia hạn tiền thuế nợ: Rà soát câu chữ để phù hợp với quy định hiện tại; bổ sung thẩm quyền gia hạn cho thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu; để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; bổ sung quy định gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất.

- Về hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ: Sửa đổi quy định để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; bổ sung thẩm quyền gia hạn cho thủ trưởng CQT quản lý trực tiếp hoặc CQT quản lý khoản thu.

- Về tiếp nhận và xử lý hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ: Sửa đổi quy định để bao quát xử lý gia hạn đối với thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; sửa đổi thời hạn thông báo về việc gia hạn tiền thuế nợ

cho người nộp thuế của cơ quan quản lý thuế trong trường hợp hồ sơ hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định để cải cách hành chính.

- Bổ sung các trường hợp cưỡng chế nợ thuế đối với chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh; phân định rõ nội dung, thứ tự ưu tiên về thanh toán các khoản thuế và các khoản phải nộp khác cho ngân sách nhà nước (tiền sử dụng đất, phí lệ phí); xử lý trong trường hợp chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài; biện pháp xử lý nghĩa vụ về thuế đối với các thành viên góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ đông góp vốn trong công ty cổ phần.

- Để đảm bảo thu được đầy đủ các khoản thuế nợ, bổ sung một khoản mới quy định Người nộp thuế chuyển nhượng dự án đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư trước khi chuyển nhượng; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư đó.

- Về các trường hợp hoàn thuế: Sửa đổi quy định để bao gồm cả việc hoàn trả của cơ quan hải quan và bổ sung các trường hợp hoàn thuế khác để bao quát hết các trường hợp (cá nhân là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự).

- Về phân loại hồ sơ hoàn thuế: Sửa đổi quy định theo hướng áp dụng riêng cho cơ quan Thuế để tránh phát sinh vướng mắc cho cơ quan hải quan trong quá trình tổ chức thực hiện và giảm áp lực cho Cơ quan Thuế trong công tác kiểm tra tại trụ sở NNT, thuận lợi cho NNT, phù hợp với quy định của Luật thuế TNCN: khấu trừ, nộp theo tháng, hoặc quý, quyết toán năm. Bổ sung riêng quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Rà soát, sửa đổi quy định để phù hợp với quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đồng thời, bổ sung quy định hồ sơ hoàn thuế của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh trong trường hợp số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế do nhà quản lý các sản phẩm thương mại điện tử, nền tảng số đã khấu trừ, nộp thuế thay là hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau hoặc phân loại hồ sơ hoàn nộp thừa là hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

- Về địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế: Cần quy định rõ hồ sơ kiểm tra sau hoàn phải thực hiện kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế để tránh việc hiểu nhầm.

- Về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế: Sửa đổi quy định về thời hạn để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, quy định hết thời hạn giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu mà người nộp thuế không giải trình đối với hồ sơ hoàn nộp thừa thì cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế do người nộp thuế không thực hiện theo đúng nội dung nêu tại Thông báo của cơ quan thuế. Đồng thời, bổ sung trách nhiệm của cơ quan thuế quản lý đối với các trường hợp chưa kê khai, nộp thuế khi cơ quan thuế giải quyết hồ sơ hoàn cho người nộp thuế; bổ sung trách nhiệm của các cơ quan có liên quan khi có rủi ro cao.

- Về kiểm tra sau hoàn thuế: Để phù hợp với năng lực giải quyết của cơ quan thuế, cần sửa đổi quy định về thời hạn kiểm tra sau hoàn thuế cho phù hợp.

- Về miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế: Sửa đổi quy định để làm rõ nội hàm các khoản tiền thuế được miễn và giảm chi phí quản lý theo dõi số liệu này (Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp từ 10.000 đồng trở xuống). Đồng thời, sửa đổi quy định về hồ sơ miễn thuế, giảm thuế để đảm bảo thống nhất.

- Về hóa đơn điện tử: Hiện nay, mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử là một chuỗi ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của đơn vị do cơ quan thuế ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn điện tử. Do đó, cần sửa đổi quy định để phù hợp với thực tế hiện nay.

- Về áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ: Sửa đổi, bổ sung quy định để bao quát các đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, tránh vướng mắc trong thực hiện. Sửa đổi quy định để hạn chế đối tượng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để tránh trường hợp NNT đang bị cưỡng chế hóa đơn, đang tạm ngừng kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng vẫn xuất hóa đơn.

- Về hệ thống thông tin người nộp thuế: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định hệ thống thông tin người nộp thuế để bao quát đầy đủ thông tin về người nộp thuế và các thông tin có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế.

- Về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin: Để xử lý bất cập trong thực tiễn, cần quy định trách nhiệm của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin của người nộp thuế.

- Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế (tổ chức tín dụng, cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá) để phù hợp với thực tế quản lý thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Về tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế: Sửa đổi quy định để tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ cá nhân kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ để tạo thuận lợi cho hộ cá nhân kinh doanh chuyển từ hình thức khoán sang tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

- Về chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế: Sửa đổi quy định do thực tế hiện nay một số cá nhân thuộc trường hợp không được làm nhân viên đại lý thuế nhưng vẫn được cấp chứng chỉ dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát các trường hợp này có hành nghề hay không.

- Về kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế: Sửa đổi quy định để bao quát các trường hợp kiểm tra và quyền hạn xử lý thuế của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hải quan. Bổ sung nội dung kiểm tra hóa đơn điện tử

nhằm làm rõ thêm nội dung cần kiểm tra, là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Quy trình quản lý hóa đơn điện tử và công tác kiểm tra hóa đơn điện tử; không làm tăng thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuế. Nếu không có đủ thông tin, tài liệu làm căn cứ chứng minh số tiền thuế đã khai là đúng thì cơ quan quản lý thuế yêu cầu người nộp thuế khai bổ sung.

- Về kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế: Để đảm bảo bao quát hết các trường hợp cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế cần quy định chi tiết về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế do cơ quan hải quan thực hiện. Đồng thời, sửa đổi quy định để áp dụng riêng cho cơ quan Thuế vì cơ quan hải quan kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế trước khi kiểm tra không thể đủ cơ sở xác định được số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu do người nộp thuế tự xác định là đúng, do đó không thể bãi bỏ quyết định kiểm tra. Trên thực tế cơ quan hải quan chưa từng phát sinh tình huống này.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định kiểm tra thuế và công chức quản lý thuế trong việc kiểm tra thuế: Cần bổ sung quy định nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra để đảm bảo cơ sở pháp lý, phù hợp với thực tế công tác kiểm tra.

- Về các biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế: Cần nghiên cứu bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ cho hoạt động kiểm tra thuế. Khi bỏ chức năng thanh tra thuế chuyên ngành thì cần bổ sung quyền hạn, biện pháp nghiệp vụ tương tự cho hoạt động kiểm tra thuế để xử lý hiệu quả các hành vi có dấu hiệu trốn thuế như các biện pháp nghiệp vụ đã quy định cho hoạt động thanh tra thuế giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế.

- Về trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Sửa đổi cho phù hợp với thực tế thực hiện, vì theo quy định cũ thì người nộp thuế phải đến hạn cưỡng chế mới được xem xét nộp dần tuy nhiên thực tế có nhiều trường hợp NNT nợ tiền thuế chưa đến hạn cưỡng chế và được ngân hàng chấp nhận bảo lãnh nộp dần tiền thuế nợ. Do đó, đề xuất sửa đổi để khắc phục hạn chế này. Đồng thời, bổ sung thẩm quyền nộp dần cho cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Bổ sung thêm các loại giấy tờ để bao quát các loại giấy đăng ký kinh doanh của người nộp thuế; bổ sung thêm các trường hợp chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế để phù hợp với thực tế thực hiện: một số trường hợp chấm dứt hiệu lực đã được hướng dẫn tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP tuy nhiên đề xuất đưa vào quy định tại Luật để áp dụng chung đối với các biện pháp cưỡng chế, theo đó không phải quy định lặp đi lặp lại nội dung này ở từng biện pháp tại Nghị định, đồng thời bổ sung thêm trường hợp chấm dứt hiệu lực QĐCC theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền vì thực tế tồn tại trường hợp có phán quyết của Tòa án yêu cầu dừng hiệu lực của QĐCC.

- Về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về

quản lý thuế: Bổ sung thêm các loại giấy tờ để bao quát các loại giấy đăng ký kinh doanh của người nộp thuế (giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện).

- Về quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Sửa đổi thời hạn đối với các Quyết định cưỡng chế giúp cơ quan thuế chủ động trong việc ban hành quyết định cưỡng chế khi có sự biến động về số tiền thuế nợ của người nộp thuế.

- Về cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Cần sửa đổi để áp dụng đối với tất cả người nộp thuế bị cưỡng chế có mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng để đảm bảo tăng cường hiệu quả công tác cưỡng chế. Việc áp dụng biện pháp này nếu chỉ thực hiện đối với người nộp thuế có tiền gửi tại Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng thực tế không hiệu quả vì trước khi thực hiện cưỡng chế thì cơ quan thuế phải thực hiện xác minh thông tin về số dư tài khoản và trong khoảng thời gian từ khi Ngân hàng cung cấp thông tin đến khi cơ quan thuế ban hành quyết định cưỡng chế thì người nộp thuế có thể thực hiện rút tiền trong tài khoản. Ngoài ra, đối với trường hợp tại thời điểm xác minh tài khoản người nộp thuế không có số dư nhưng tại thời điểm khác lại có giao dịch qua tài khoản mà cơ quan thuế không thể nắm được.

- Về cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập: sửa đổi để quy định rõ tài khoản nộp ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Về cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên: Sửa đổi để đảm bảo giá trị tài sản bị kê biên tương đương với số tiền thuế nợ cụ thể là bao hàm tất cả các khoản tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp của người nộp thuế ghi trên quyết định cưỡng chế.

- Về cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ: Sửa đổi quy định để phù hợp thực tế thực hiện vì trên thực tế cơ quan thuế không thể chuyển nợ cho bên thứ 3 để áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với bên thứ 3.

- Về cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề: Cần sửa đổi, bổ sung để bao quát các loại giấy đăng ký kinh doanh của người nộp thuế (giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện).

- Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Để đảm bảo tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật, cần bổ quy định về vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định do hiện nay đang xảy ra các trường hợp bất

cập, mâu thuẫn trong thực tế. Một số trường hợp NNT có vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp dẫn tới thiếu số thuế phải nộp (hành vi có tính chất nghiêm trọng hơn) bị xử phạt về hành vi trốn thuế với mức tiền phạt nhỏ hơn so với NNT có hành vi VPHC về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp không dẫn tới thiếu số thuế phải nộp (hành vi có tính chất ít nghiêm trọng hơn) bị xử phạt về hành vi VPHC về hóa đơn. Nguyên tắc loại trừ này dẫn tới sự không công bằng trong xử phạt VPHC, phản ứng tiêu cực của NNT. Đồng thời, nhiều trường hợp, NNT cũng lợi dụng nguyên tắc loại trừ này để chuyển hành vi VPHC về hóa đơn sang hành vi trốn thuế (nếu mức phạt về hành vi VPHC về hóa đơn cao hơn mức tiền phạt về hành vi trốn thuế) gây ảnh hưởng đến sự nghiêm minh của pháp luật về xử phạt VPHC.

- Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Để tạo tính răn đe cho đối tượng vi phạm, cần nghiên cứu tăng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (10 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm).

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về hiệu lực thi hành để phù hợp với thời điểm Luật được Quốc hội thông qua.

- Về quy định chuyển tiếp: Đối với các trường hợp được khoan tiền thuế nợ quy định tại Điều 83; được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 85 Luật này phát sinh trước ngày (ngày Luật có hiệu lực) thì được xử lý theo quy định của Luật này để bao quát các trường hợp chưa được xử lý khoan nợ xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị quyết số 94.

6.5. Sửa đổi quy định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế

- Về quyền của người nộp thuế: Nghiên cứu bổ sung quyền của người nộp thuế nhằm quyền lợi cho người nộp thuế và tăng tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế (quyền được yêu cầu cấp chứng từ khấu trừ thuế điện tử, quyền được ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính thuế trong trường hợp là người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế).

- Về thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu: Bổ sung quy định người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước khi thực hiện thanh toán các nghĩa vụ thuế khác và quy định thứ tự thanh toán. Đồng thời, để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, người nộp thuế được lựa chọn thanh toán các khoản phải nộp theo ID và yêu cầu người nộp thuế thanh toán theo các thứ tự nhất định như thanh toán trước các khoản thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

- Về cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế: Để minh bạch rõ ràng, thuận lợi cho người nộp thuế, cần sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể

các cơ quan quản lý thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế, miễn hoặc giảm các khoản thu thuộc ngân sách được giao quản lý thu.

- Để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cần bổ sung quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong từng trường hợp. Ví dụ, hồ sơ miễn, giảm, hoàn thuế theo Hiệp định thuế và ĐUQT thường có tính chất phức tạp. Khi giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế cần thu thập đầy đủ thông tin, xác định đúng đối tượng áp dụng Hiệp định thuế, xem xét kỹ từng Hợp đồng và thực tế thực hiện Hợp đồng, thực tế hoạt động kinh doanh của đối tượng đề nghị miễn, giảm thuế trên phạm vi toàn quốc chứ không chỉ ở một địa phương cụ thể.

- Về thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoan tiền thuế nợ: Cần sửa đổi quy định để bao quát hết tiền thuế nợ thuộc phạm vi được xóa.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế và một số đề xuất, kiến nghị của Bộ Tài chính đối với dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)/.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, CT (2 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn